

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST  
Ngày 21- 3 -2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Liên.  
*Các Hội Thẩm nhân dân:* 1. Ông Lữ Khắc Hồi.  
2. Bà Thi Thị Thanh Trúc.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Dương Khởi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Ông Lôi Vĩnh Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/HSST, ngày 21 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

**Bùi Hữu L**, sinh ngày 09/9/2002 tại tỉnh Bến Tre. Giới tính: nam.

Nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Bùi Thái H, sinh năm 1978 và bà Lê Thị L1, sinh năm 1978. Vợ tên Nguyễn Ngọc H1 năm 2002. Con có 01 người, sinh năm 2021.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 15/9/2022 bị công an xã L, huyện C xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc theo quyết định xử phạt hành chính số 47/QĐ-XPHC, bị cáo L2 hành quyết định đóng phạt vào ngày 15/9/2022.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/10/2023 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1/ Ông Phan Hoàn P 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/ Ông Nguyễn Văn K 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

3/ Ông Trần NL2, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Ông Phạm Văn S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

***Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:*** Không có.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 23/8/2023, ông Phan Hoàn P 1984, nơi cư trú ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh là người làm thuê cho Đại lý thức ăn P1 thuộc ấp H, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh đi giao thức ăn nuôi tôm cho khách hàng nhưng không đóng cửa đại lý. Lúc này có ông K1 L2 và bị cáo L3 ngồi uống nước phía trước cửa Đại lý, thấy ông P1 đi giao hàng, bên trong Đại lý thức ăn không có ai nên ông K1 bị cáo L và ông L2 chơi đánh bài binh xập xám 13 lá ăn thua bằng tiền thì bị cáo L4 ông L2 đồng ý. Mỗi người ngồi một tụ bài, người nào thắng hai người còn lại sẽ thắng được số tiền 60.000 đồng (người thua chót chung cho người tới nhất 40.000 đồng, người thua nhì chung cho người tới nhất 20.000 đồng). ông K bị cáo L và ông L2 chơi được một lúc thì có ông S1 đến chơi, do thiếu 01 tụ bài nên ông K2 ông S1 chơi đánh bài binh xập xám 13 lá được thua bằng tiền thì ông S1 đồng ý. Ông K bị cáo L ông L2 và ông S1 mỗi người ngồi một tụ, người nào thắng ba người còn lại sẽ được người thua chót chung 40.000 đồng, người nào thắng được hai còn lại sẽ được người thua ba chung 20.000 đồng, chơi đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì bị Công an xã L, huyện C kiểm tra lập biên bản và tạm giữ trên chiếu bạc: 02 bộ bài tây (loại bài 52 lá) đã qua sử dụng và Tiền Việt Nam là 1.350.000 đồng. Kiểm tra trên người tạm giữ số tiền 19.150.000 đồng của bị cáo L5 tiền 120.000 đồng của ông K3 tiền 1.600.000 đồng của ông S1

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C bị cáo L ông L2 ông K và ông S1 khai nhận: Bị cáo L6 theo số tiền 19.550.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, khi Công an xã L, huyện C vào kiểm tra không thắng, không thua, 400.000 đồng sử dụng để đánh bạc nằm trong số tiền 1.350.000 trên chiếu bạc. Ông L2 khai nhận mang theo số tiền 170.000 đồng, sử dụng 170.000 đồng để đánh bạc, khi Công an xã L ông L2 thua 70.000 đồng, còn 100.000 đồng nằm trong số tiền 1.350.000 trên chiếu bạc. Ông K4 theo số tiền 600.000 đồng, sử dụng 480.000 đồng để đánh bạc, khi Công an xã L, huyện C kiểm tra thắng 70.000 đồng. Tổng số tiền dùng đánh bạc và thắng bạc của ông K2 đồng, xác định nằm trong số tiền 1.350.000 đồng trên chiếu bạc. ông S1 mang theo số tiền 1.900.000 đồng, sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, khi

Công an xã L, huyện C vào kiểm tra không thắng, không thua, 300.000 đồng sử dụng để đánh bạc nằm trong số tiền 1.350.000 trên chiếu bạc.

Qua kiểm tra xác định ông L2ông Kông S1chưa có tiền án, tiền sự nên Công an xã L, huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L2ông Kvà ông S1mỗi người với số tiền là 1.500.000 đồng.

Riêng bị cáo L7ngày 09/9/2022 có hành vi đánh bạc trái phép, bị Công an xã L, huyện C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 47/QĐ-XPHC ngày 15/9/2022. Bị cáo L2hành quyết định đóng phạt vào ngày 15/9/2022.

Về vật chứng: Công an xã L, huyện C đã xử lý vật chứng: trả lại cho ông K3tiền 120.000 đồng, ông S1số tiền 1.600.000 đồng. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C: 02 bộ bài tây (loại bài 52 lá) đã qua sử dụng, số tiền 1.350.000 đồng tạm giữ tại nơi đánh bạc và 19.150.000 đồng tạm giữ trên người bị cáo L.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo L8thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đồng thời số tiền dùng để đánh bạc không lớn.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKS.CT, ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo L9tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo L10nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội “Đánh bạc” và bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là đúng.

***Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:*** Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Về nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35 và Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu L2 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trong thời gian thử thách giao bị cáo Bùi Hữu L3 ban nhân dân xã Atrình Bến Tre giám sát, giáo dục. Vì còn đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo L5tiền là 10.000.000đồng (*Mười mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Qua quan điểm của V Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

**[1]** Lời khai của bị cáo L13 phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do cơ quan điều tra C thu thập có được trong hồ sơ vụ án.

Do vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo L9tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định pháp luật.

**[2]** Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, việc chơi bài binh xập xám được thua bằng tiền là một hình thức đánh bạc trái với quy định của pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý của Nhà nước và trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an địa phương.

Pháp luật nhà nước ta nghiêm cấm đánh bạc trái phép, ăn thua bằng tiền dưới bất kỳ hình thức nào nhằm thu lợi bất chính. Việc chơi bài binh xập xám được thua bằng tiền không cần phải tốn nhiều công sức nhưng vẫn thu lợi nhuận cao nên bị cáo bất chấp pháp luật dùng mọi thủ đoạn nhằm qua mặt chính quyền địa phương và các Cơ quan bảo vệ pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội.

**[3]** Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Bị cáo nhận thức được hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, nhưng do bản tính xem thường pháp luật nên bị cáo bất chấp vi phạm. Thực tế cho thấy, đánh bạc được thua bằng tiền là một tệ nạn xã hội là nguyên nhân phát sinh ra cảnh đói nghèo và các loại tội phạm khác gây mất ổn định về trật tự xã hội ở địa phương, tham gia đánh bạc nhiều con bạc bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phát sinh mâu thuẫn gia đình dẫn đến mất hạnh phúc và hơn thế nữa việc đánh bạc đã tạo nên gánh nặng cho xã hội.

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe ổn định, lẽ ra bị cáo phải biết chọn cho mình một nghề nghiệp chính đáng để có thu nhập nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng với bản tính đố, đen và hám lợi từ việc đánh bạc thu lợi nhuận cao, từ những tư tưởng và suy nghĩ đó đã dẫn bị cáo đến con đường phạm tội.

[5] Xét về động cơ và mục đích phạm tội của bị cáo là không nhằm mục đích thu lợi bất chính, hành vi phạm tội của bị cáo ít nguy hiểm cho xã hội, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền bị cáo đánh bạc không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo L14 nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng và có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần bắt bị cáo L15 chấp hành hình phạt tù, bị cáo L14 khả năng tự cải tạo tốt nên Hội đồng xét xử xét thấy cho bị cáo L16 án treo là không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và phạt việc cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Đối với ông Trần N L17 Văn K Phạm Văn S2 chưa có tiền án, tiền sự nên Công an xã L, huyện C đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông L2 ông K và ông S2 mỗi người với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về vật chứng: 02 bộ bài tây (loại bài 52 lá) đã qua sử dụng nghi nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền là 1.350.000 đồng tạm giữ tại nơi đánh bạc nghi nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 19.150.000 đồng tạm giữ trên người Bùi Hữu L Nghi nên trả lại cho bị cáo L, nhưng tiếp tục giữ lại để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo L14 nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 327, Điều 328; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

#### **[1] Tuyên bố:**

Bị cáo Bùi Hữu L18 tội “Đánh bạc”

[2] Căn cứ vào các khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 35 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

**[3] Xử phạt bị cáo Bùi Hữu L4 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.** Thời hạn thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Bùi Hữu L20tiền là 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà Nước.

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Bùi Hữu L3 ban nhân dân xã A giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo Bùi Hữu L21đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

*Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách:* Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Bùi Hữu L) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Bùi Hữu L) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**[4] Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- *Tuyên tịch thu tiêu hủy:* 02 bộ bài tây (loại bài 52 lá) đã qua sử dụng.

- *Tuyên tịch thu vào Ngân sách Nhà nước:* Số tiền 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm giữ tại nơi đánh bạc.

Trả lại cho bị cáo Bùi Hữu L20tiền 19.150.000 đồng (*Mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng tiếp tục giữ lại để đảm bảo thi hành án khi án có hiệu lực.

**[5] Về án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Bùi H1 L22nghĩa vụ nộp 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

**[6] Về quyền kháng cáo:** Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Liên**